

Số:..../QĐ-THCS LQĐ

Đồng Tiến, ngày 04 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận kết quả và xếp giải kỳ thi IOE, vòng thi cấp Trường
Năm học 2023 - 2024**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hiệu trưởng được quy định tại Thông tư số 32/2020/BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

Căn cứ Kế hoạch số 575/PGD&ĐT-TrH ngày 05/9/2023 của Phòng GD&ĐT thành phố Hòa Bình về Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ cấp THCS năm học 2023-2024;

Căn cứ Công văn số 805/KH-PGD&ĐT-TrH ngày 08/11/2023 của Phòng GD&ĐT Thành phố về kế hoạch tổ chức các Cuộc thi, Kỳ thi học sinh giỏi THCS năm học 2023-2024;

Thực hiện Kế hoạch số 10/KH- THCSLQĐ ngày 06/10/2023 của Trường THCS Lê Quý Đôn về Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2023-2024;

Căn cứ Quyết định số 74/QĐ-THCS LQĐ ngày 28 tháng 11 năm 2023 của trường THCS Lê Quý Đôn về việc thành lập Ban coi thi Olympic Tiếng Anh qua internet - vòng thi cấp trường và kết quả cuộc thi IOE, vòng thi cấp trường năm học 2023-2024.

Xét đề nghị của phó hiệu trưởng nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 148 học sinh đoạt giải cuộc thi IOE cấp Trường năm học 2023-2024, trong đó:

Giải Nhất: 14 giải (khối 6: 05 giải; khối 7: 01 giải; khối 8: 03 giải; khối 9: 05 giải)

Giải Nhì: 45 giải (khối 6: 08 giải; khối 7: 10 giải; khối 8: 09 giải; khối 9: 18 giải)

Giải Ba: 49 giải (khối 6: 16 giải; khối 7: 10 giải; khối 8: 10 giải; khối 9: 13 giải)

Giải Khuyến khích: 40 giải (khối 6: 13 giải; khối 7: 15 giải; khối 8: 08 giải; khối 9: 04 giải)

(có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận tài vụ, chuyên môn, giáo viên chủ nhiệm và các học sinh có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Website Trường THCS Lê Quý Đôn;
- Lưu: VT (NTTH:03).

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Hải Châu

DANH SÁCH HỌC SINH
Đạt giải kì Kỳ thi IOE, vòng thi cấp trường, dành cho học sinh khối 6
Năm học 2023 – 2024

(Kèm theo QĐ số /QĐ-THCS LQĐ ngày /12/2023 của Hiệu trưởng Trường THCS Lê Quý Đôn)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Khối	Lớp	Điểm	Thời gian	Xếp giải
1	Nguyễn Diệp Anh	01/09/2012	6	6A1	1950	22.39	Nhất
2	Nguyễn Thành Lâm	31/07/2012	6	6A1	1910	20.4	Nhất
3	Nguyễn Tấn Minh	08/11/2012	6	6A4	1880	28.38	Nhất
4	Nguyễn Quỳnh Anh	07/07/2012	6	6A1	1880	25.27	Nhất
5	Vũ Ngọc An	21/02/2012	6	6A4	1800	26.55	Nhất
6	Kiều Tuấn Phong	08/02/2012	6	6A4	1780	29.53	Nhì
7	Nguyễn Nữ Hoàng Anh	02/08/2012	6	6A1	1780	24.34	Nhì
8	Nguyễn Phương Mai	01/02/2012	6	6A5	1770	19.02	Nhì
9	Ngô Hà Linh	18/07/2012	6	6A2	1720	29.19	Nhì
10	Vũ Phạm Thúy Hiền	05/01/2012	6	6A2	1700	24.44	Nhì
11	Đặng Yến Nhi	19/08/2012	6	6A4	1690	29.59	Nhì
12	Nguyễn Thành Nam	09/04/2012	6	6A1	1680	28.42	Nhì
13	Nguyễn Trúc Vân	16/04/2012	6	6A2	1670	30	Nhì
14	Nguyễn Minh Quân	11/07/2012	6	6A2	1650	26.05	Ba
15	Nguyễn Thị Minh Tâm	18/12/2012	6	6A2	1650	30	Ba
16	Ngô Phúc Lâm	03/12/2012	6	6A3	1650	24.5	Ba
17	Lương Bảo Ngọc	04/10/2012	6	6A1	1640	21.53	Ba
18	Vũ Bảo Ngân	30/08/2012	6	6A3	1630	22.16	Ba
19	Bạch Hà An	20/11/2012	6	6A1	1600	27.23	Ba
20	Trần Mai Phương	06/12/2012	6	6A1	1600	29.59	Ba
21	Cần Hà Linh	20/10/2012	6	6A4	1580	29.59	Ba
22	Nguyễn Đình Hoàng Nghĩa	20/12/2012	6	6A1	1570	29.59	Ba
23	Nguyễn Anh Quân	11/04/2012	6	6A4	1550	29.5	Ba
24	Nguyễn Hoàng Nam	30/01/2012	6	6A1	1550	29.59	Ba
25	Nguyễn Mạnh Hải	17/01/2012	6	6A1	1530	29.11	Ba
26	Đỗ Bảo Ngọc	18/09/2012	6	6A4	1520	29.23	Ba

27	Lê Việt Cường	07/09/2012	6	6A4	1510	29.59	Ba
28	Nguyễn Quang Minh	22/08/2012	6	6A1	1510	29.59	Ba
29	Bùi Hoàng Hạnh Ngân	22/02/2012	6	6A4	1500	29.59	Ba
30	Nguyễn Minh Ngọc	12/04/2012	6	6A1	1440	29.01	KK
31	Nguyễn Minh Hạnh	05/03/2012	6	6A2	1430	30	KK
32	Nguyễn Xuân Dương	28/10/2012	6	6A4	1430	29.59	KK
33	Nguyễn Vân Khanh	04/04/2012	6	6A4	1400	28.31	KK
34	Đinh Ngân Giang	15/03/2012	6	6A1	1390	29.59	KK
35	Vũ Ngọc Bảo Trúc	29/07/2012	6	6A1	1380	29.59	KK
36	Nguyễn Ngọc Tuyết	07/06/2012	6	6A2	1370	30	KK
37	Trần An Đông	29/06/2012	6	6A3	1370	29.59	KK
38	Nguyễn Như Thành Nam	27/09/2012	6	6A4	1350	30	KK
39	Lê Ngân Hà	10/06/2012	6	6A1	1310	29.58	KK
40	Mai Vân Giang	15/08/2012	6	6A1	1310	24.54	KK
41	Trần Khánh Ngọc	20/10/2012	6	6A2	1250	29.59	KK
42	Đỗ Bình Minh	11/01/2012	6	6A5	1210	29.19	KK

(Danh sách gồm có 42 học sinh)

DANH SÁCH HỌC SINH
Đạt giải kì Kỳ thi IOE, vòng thi cấp trường, dành cho học sinh khối 7
Năm học 2023 – 2024

(Kèm theo QĐ số /QĐ-THCS LQĐ ngày /12/2023 của Hiệu trưởng Trường THCS Lê Quý Đôn)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Khối	Lớp	Điểm	Thời gian	Xếp giải
1	Nguyễn Hoàng Nam	22/05/2011	7	7A3	1940	25.52	Nhất
2	Nguyễn Tấn Minh	08/11/2012	7	6A4	1770	28.17	Nhì
3	Đàm Anh Thu	12/09/2011	7	7A3	1760	30	Nhì
4	Phạm Tú Diệp	26/02/2011	7	7A3	1690	29.29	Nhì
5	Phan Công Dũng	21/11/2011	7	7A2	1660	29.59	Nhì
6	Bùi Quốc Khánh	02/11/2011	7	7A3	1620	30	Nhì
7	Lý Thị Bảo Ngân	05/02/2011	7	7A3	1620	29.59	Nhì
8	Hồ Tuấn Đạt	24/12/2011	7	7A2	1620	29.37	Nhì
9	Trần Tú Anh	20/02/2011	7	7A2	1620	28.49	Nhì
10	Nguyễn Thành Luân	29/11/2011	7	7A3	1610	30	Nhì
11	Nguyễn Khánh Chi	28/07/2011	7	7A4	1610	28.07	Nhì
12	Phạm Ngọc Huy	08/04/2011	7	7A2	1580	29.59	Ba
13	Kiều Tuấn phong	08/02/2012	7	6A4	1570	29.59	Ba
14	Nguyễn Minh Thủy	13/09/2011	7	7A2	1530	25.05	Ba
15	Đào Thu Phương	17/01/2017	7	7A1	1500	29.59	Ba
16	Hoàng Tuyết Nhung	15/08/2011	7	7A4	1470	28.36	Ba
17	Nguyễn Duy Khoa	29/12/2011	7	7A1	1470	30	Ba
18	Trương Ngọc Diệp	28/08/2011	7	7A3	1450	30	Ba
19	Nguyễn Trịnh Thu Nguyệt	07/01/2011	7	7A4	1430	29.51	Ba
20	Đào Tuệ Mẫn	13/08/2011	7	7A4	1420	29.59	Ba
21	Lê bảo quỳên	02/09/2011	7	7A3	1400	29.59	Ba
22	Trần Bảo An	20/04/2011	7	7A3	1390	28.54	KK
23	Phạm Phương Anh	13/04/2011	7	7A2	1370	30	KK
24	Lê Ngọc Huyền	07/10/2011	7	7A4	1350	29.16	KK
25	Phạm Hoàng Khánh Linh	10/07/2011	7	7A2	1310	25.13	KK
26	Nguyễn Linh Ngân	01/06/2011	7	7A3	1280	29.58	KK
27	Nguyễn Bình Minh	17/03/2011	7	7A4	1270	24.40	KK
28	Phạm Gia Cường	17/04/2011	7	7A4	1250	30	KK
29	Đỗ Hoàng Ngân	28/10/2011	7	7A3	1240	29.59	KK
30	Phạm Nguyễn Minh Anh	02/08/2011	7	7A1	1230	29.59	KK
31	Nguyễn Quang Anh	31/08/2011	7	7A1	1200	29.59	KK
32	Nguyễn Quỳnh Anh	13/06/2011	7	7A3	1170	29.59	KK
33	Đỗ Yến Nhi	13/06/2011	7	7A2	1160	29.59	KK
34	Nguyễn Thanh Tùng	29/07/2011	7	7A2	1140	30	KK
35	Đặng Nam Phong	11/04/2011	7	7A3	1130	30	KK
36	Trần Hoài An	26/06/2011	7	7A3	1120	29.59	KK

(Danh sách gồm có 36 học sinh)

DANH SÁCH HỌC SINH
Đạt giải kì Kỳ thi IOE, vòng thi cấp trường, dành cho học sinh khối 8
Năm học 2023 – 2024

(Kèm theo QĐ số /QĐ-THCS LQĐ ngày /12/2023 của Hiệu trưởng Trường THCS Lê Quý Đôn)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Khối	Lớp	Điểm	Thời gian	Xếp giải
1	Bùi Ngọc Linh Tuệ	21/10/2010	8	8A4	1910	26.09	Nhất
2	Tổng Vũ Minh Giang	24/03/2010	8	8A1	1860	24.59	Nhất
3	Nguyễn Thanh Ngân	02/01/2010	8	8A4	1850	29.59	Nhất
4	Lưu Huy Bách	25/05/2010	8	8A4	1790	27.45	Nhì
5	Phạm Minh Thư	08/12/2010	8	8A4	1770	25.42	Nhì
6	Nguyễn Phương Thảo	21/05/2010	8	8A1	1730	27.45	Nhì
7	Ngô Trần Bảo Chi	24/01/2010	8	8A3	1720	30	Nhì
8	Trần Trung Kiên	01/11/2010	8	8A4	1690	29.59	Nhì
9	Trần Hà Anh	25/08/2010	8	8A4	1640	29.59	Nhì
10	Đinh Bảo Lâm	04/06/2010	8	8A3	1590	29.59	Nhì
11	Vũ Minh Thu	09/03/2010	8	8A4	1570	29.59	Nhì
12	Nguyễn Lý Gia Bảo	27/04/2010	8	8A1	1560	29.16	Nhì
13	Phạm Quang Khải	12/08/2010	8	8A2	1500	29.59	Ba
14	Lê Tuấn Anh	11/05/2010	8	8A1	1470	29.59	Ba
15	Bùi Ánh Dương	31/01/2010	8	8A4	1440	29.59	Ba
16	Trương Hoàng Bách	19/05/2010	8	8A4	1440	29.40	Ba
17	Đinh Thị Hoàng Giang	05/04/2010	8	8A3	1430	29.59	Ba
18	Ngô Lê Thái	15/11/2010	8	8A4	1430	23.59	Ba
19	Bùi Ngọc An	17/05/2010	8	8A4	1420	30	Ba
20	Phạm Tú Diệp	26/02/2011	8	7A3	1420	29.59	Ba
21	Huỳnh Thái Trân	11/10/2010	8	8A4	1410	30	Ba
22	Ngô Thanh Hằng	16/09/2010	8	8A1	1410	29.59	Ba
23	Hoàng Bảo Ngọc	22/02/2010	8	8A1	1340	29.59	KK
24	Nguyễn Danh Đức	06/06/2010	8	8A1	1320	29.59	KK
25	Đặng Minh Hoàng	27/08/2010	8	8A4	1310	29.59	KK

26	Đặng Hoàng Dũng	28/11/2010	8	8A3	1310	29.59	KK
27	Bùi Hà Anh	11/07/2010	8	8A4	1260	30	KK
28	Nguyễn Tấn Minh	29/12/2010	8	8A4	1250	29.59	KK
29	Nguyễn Bảo An	13/04/2010	8	8A1	1220	30	KK
30	Bùi Đình Phong	19/07/2010	8	8A2	1170	17.99	KK

(Danh sách gồm có 30 học sinh)

DANH SÁCH HỌC SINH
Đạt giải kì Kỳ thi IOE, vòng thi cấp trường, dành cho học sinh khối 9
Năm học 2023 – 2024

(Kèm theo QĐ số /QĐ-THCS LQĐ ngày /12/2023 của Hiệu trưởng Trường THCS Lê Quý Đôn)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Khối	Lớp	Điểm	Thời gian	Xếp giải
1	Đặng Bảo Vân	10/04/2009	9	9A4	1980	20.02	Nhất
2	Nguyễn Phương Thảo	04/09/2009	9	9A4	1950	20.25	Nhất
3	Hoàng Linh Ngọc	17/05/2009	9	9A4	1940	29.58	Nhất
4	Bùi Ngọc Linh Tuệ	21/10/2010	9	8A4	1940	23.24	Nhất
5	Nguyễn Phương Thảo	28/06/2009	9	9A2	1930	29.14	Nhất
6	Bùi Vũ Quang Khánh	25/07/2009	9	9A1	1890	25.49	Nhì
7	Nguyễn Lê Ngọc Minh	09/04/2009	9	9A4	1880	22.05	Nhì
8	Tổng Vũ Minh Giang	24/03/2010	9	8A1	1880	24.52	Nhì
9	Nguyễn Thanh Ngân	02/01/2010	9	8A4	1860	29.39	Nhì
10	Nguyễn Thị Thanh Bình	16/12/2009	9	9A4	1850	24.2	Nhì
11	Hoàng Tùng	03/11/2009	9	9A1	1850	27.4	Nhì
12	Dương Đức Nhật	18/05/2009	9	9A2	1830	29.55	Nhì
13	Nguyễn Bảo Duy	21/12/2009	9	9A3	1830	25	Nhì
14	Nguyễn Tuấn Minh	12/04/2009	9	9A4	1810	28.19	Nhì
15	Nguyễn Phương Thảo	21/05/2010	9	8A1	1800	30	Nhì
16	Phạm Minh Thư	08/12/2010	9	8A4	1780	26.49	Nhì
17	Phạm Khánh Huyền	16/10/2009	9	9A3	1770	29.59	Nhì
18	Nguyễn Anh Tuấn	12/10/2009	9	9A4	1760	23.03	Nhì
19	Phạm Ngọc Khanh	01/02/2009	9	9A4	1760	26.28	Nhì
20	Ngô Duy Khánh	09/09/2009	9	9A4	1740	29.59	Nhì
21	Nguyễn Ngọc Bích	07/06/2009	9	9A4	1740	27.23	Nhì
22	Diệp Xuân Anh	01/10/2009	9	9A1	1700	28.28	Nhì
23	Trương Thanh Tâm	08/09/2009	9	9A1	1700	28.55	Nhì
24	Phạm Hoàng Nhất Sang	24/09/2009	9	9A1	1690	29.59	Ba
25	Lê Yến Trang	12/01/2009	9	9A3	1670	29.59	Ba
26	Phan Hà Bảo Ngọc	19/02/2009	9	9A4	1640	29.53	Ba

27	Nguyễn Hà Linh	28/03/2009	9	9A3	1620	29.59	Ba
28	Đặng Minh Hoàng	27/03/2010	9	8A4	1610	27.18	Ba
29	Ngô Quang Hiếu	03/06/2009	9	9A1	1610	27.5	Ba
30	Nguyễn Thị Hạnh Ngân	14/02/2009	9	9A1	1600	29.45	Ba
31	Nguyễn Thảo Chi	17/07/2009	9	9A4	1590	29.59	Ba
32	Dương Hà My	05/08/2009	9	9A3	1580	29	Ba
33	Nguyễn Hồ Nghĩa Dũng	04/02/2009	9	9A3	1550	29.59	Ba
34	Nguyễn Thị Hà Linh	03/11/2009	9	9A4	1540	30	Ba
35	Nguyễn Huyền Anh	01/06/2009	9	9A4	1520	29.5	Ba
36	Phùng Tuệ Minh	10/04/2009	9	9A3	1500	29.59	Ba
37	Nguyễn Việt Hùng	22/03/2009	9	9A4	1280	30	KK
38	Trần Ngọc Ánh	23/07/2009	9	9A1	1220	29.59	KK
39	Bùi Lê Bảo Vy	02/07/2009	9	9A4	1200	30	KK
40	Nguyễn Phúc Lâm	25/05/2009	9	9A1	1200	29.59	KK

(Danh sách gồm có 40 học sinh)

